



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

Báo cáo tài chính riêng cho năm  
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thông tin về Tập đoàn**

**Quyết định Thành lập số** 974/QĐ-TTg

ngày 25 tháng 6 năm 2010

**Giấy Chứng nhận**

**Đăng ký Doanh nghiệp số** 0100100008

ngày 27 tháng 10 năm 2010

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã được sửa đổi nhiều lần và lần gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100008 ngày 17 tháng 9 năm 2025. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Tài chính Thành phố Hà Nội cấp (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội).

**Hội đồng Quản trị**

Ông Lê Tiến Trường  
Ông Trần Quang Nghị  
Ông Cao Hữu Hiếu  
Ông Đặng Vũ Hùng  
Ông Vũ Hồng Tuấn  
Ông Nguyễn Xuân Đông  
Bà Lê Ngọc Diệp

Chủ tịch  
Phó Chủ tịch  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
(từ ngày 16/6/2025)

**Cơ quan Tổng Giám đốc**

Ông Cao Hữu Hiếu  
Ông Nguyễn Song Hải  
Ông Phạm Văn Tân  
Ông Lê Mạc Thuấn  
Ông Nguyễn Đức Trị  
Ông Lê Trung Hải  
  
Ông Phạm Xuân Trình  
  
Ông Nguyễn Hùng Quý  
  
Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
(đến ngày 30/6/2025)  
Phó Tổng Giám đốc  
(từ ngày 18/11/2025)  
Giám đốc điều hành  
(từ ngày 1/8/2025)  
Giám đốc điều hành  
(từ ngày 1/8/2025)

**Ban Kiểm soát**

Bà Trần Thị Thu Hằng  
Bà Đoàn Thị Thu Hương  
Bà Đặng Thị Hồng Lê  
Bà Nguyễn Thanh Lê  
Bà Bùi Việt Phương

Trưởng ban  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
(từ ngày 16/6/2025)

**Trụ sở đăng ký**

25 Phố Bà Triệu, Phường Cửa Nam  
Hà Nội, Việt Nam  
(địa chỉ trước khi thay đổi địa giới hành chính:  
25 Phố Bà Triệu, Phường Hàng Bài  
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam)

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Báo cáo của Cơ quan Tổng Giám đốc**

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Cơ quan Tổng Giám đốc:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 60 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Cơ quan Tổng Giám đốc cho rằng Tập đoàn Dệt May Việt Nam sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Cơ quan Tổng Giám đốc đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.

Thay mặt Cơ quan Tổng Giám đốc



Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2026





Công ty TNHH KPMG  
Tầng 46, Keangnam Landmark 72,  
Đường Phạm Hùng, Phường Yên Hòa,  
Thành phố Hà Nội, Việt Nam  
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

### **Kính gửi các Cổ đông và Hội đồng Quản trị Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam phê duyệt phát hành ngày 31 tháng 3 năm 2026, được trình bày từ trang 5 đến trang 60.

#### **Trách nhiệm của Cơ quan Tổng Giám đốc**

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Cơ quan Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

#### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Cơ quan Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.





## Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 25-02-00220-26-1



Trưởng Vĩnh Phúc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 1901-2023-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2026

Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0861-2023-007-1

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025****Mẫu B 01 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2025 VND</b>	<b>1/1/2025 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> <b>(100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)</b>	<b>100</b>		<b>2.855.820.449.404</b>	<b>2.709.869.049.611</b>
<b>Tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>75.898.896.022</b>	<b>82.985.966.045</b>
Tiền	111		75.898.896.022	82.985.966.045
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>1.400.005.350.420</b>	<b>1.328.900.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(a)	1.400.005.350.420	1.328.900.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>864.359.473.029</b>	<b>826.152.218.764</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6(a)	611.355.740.396	429.006.461.943
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	19.307.331.846	50.237.947.887
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8(a)	52.745.265.687	80.949.876.704
Phải thu ngắn hạn khác	136	9(a)	180.951.135.100	265.957.932.230
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>493.840.298.187</b>	<b>448.337.576.291</b>
Hàng tồn kho	141		501.851.615.922	457.162.989.217
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(8.011.317.735)	(8.825.412.926)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>21.716.431.746</b>	<b>23.493.288.511</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.291.008.980	3.156.441.333
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		16.431.048.737	19.219.886.532
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17(a)	1.994.374.029	1.116.960.646

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2025 VND</b>	<b>1/1/2025 VND</b>
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>5.081.495.354.225</b>	<b>5.573.843.956.558</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>1.398.486.287.839</b>	<b>1.783.499.993.687</b>
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	6(b)	44.968.533.789	61.843.907.911
Phải thu về cho vay dài hạn	215	8(b)	1.011.445.310.836	1.365.322.574.707
Phải thu dài hạn khác	216	9(b)	342.072.443.214	356.333.511.069
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>561.188.582.976</b>	<b>690.552.342.886</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	11	560.911.949.708	636.163.892.089
Nguyên giá	222		1.723.575.091.151	1.699.625.825.006
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.162.663.141.443)	(1.063.461.932.917)
Tài sản cố định vô hình	227	12	276.633.268	54.388.450.797
Nguyên giá	228		3.128.103.118	81.905.473.511
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.851.469.850)	(27.517.022.714)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>13</b>	<b>217.297.981.596</b>	-
Nguyên giá	231		220.929.285.987	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(3.631.304.391)	-
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>87.688.678.095</b>	<b>334.598.697.430</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	14	87.688.678.095	334.598.697.430
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>2.757.916.115.558</b>	<b>2.726.777.322.221</b>
Đầu tư vào công ty con	251	5(b)	2.191.080.629.010	2.191.080.629.010
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	5(b)	1.042.840.855.779	1.042.840.855.779
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5(b)	39.789.498.900	39.789.498.900
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	5(b)	(561.154.868.131)	(546.933.661.468)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5(a)	45.360.000.000	-
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>58.917.708.161</b>	<b>38.415.600.334</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	15	58.917.708.161	38.415.600.334
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>7.937.315.803.629</b>	<b>8.283.713.006.169</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2025 VND</b>	<b>1/1/2025 VND</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>2.105.621.335.511</b>	<b>2.508.832.782.765</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.080.807.494.732</b>	<b>947.370.236.782</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	140.942.062.126	279.536.369.564
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.385.233.119	13.072.757.629
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17(b)	7.144.603.681	1.751.265.021
Phải trả người lao động	314		24.088.557.157	14.908.969.497
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18(a)	3.372.562.080	4.869.756.061
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		1.800.000.000	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	19	164.343.963.947	17.051.866.022
Vay ngắn hạn	320	20(a)	705.362.334.868	580.329.133.800
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	21	32.368.177.754	35.850.119.188
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.024.813.840.779</b>	<b>1.561.462.545.983</b>
Chi phí phải trả dài hạn	333	18(b)	8.832.136.320	9.296.985.600
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		5.400.000.000	-
Phải trả dài hạn khác	337		6.222.560.550	1.397.210.130
Vay dài hạn	338	20(b)	1.004.359.143.909	1.550.768.350.253

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 01 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

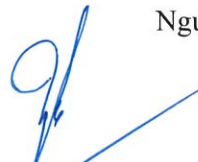
	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2025 VND</b>	<b>1/1/2025 VND</b>
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)</b>	<b>400</b>		<b>5.831.694.468.118</b>	<b>5.774.880.223.404</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>22</b>	<b>5.813.002.320.127</b>	<b>5.755.566.000.417</b>
Vốn cổ phần	411	23	5.000.000.000.000	5.000.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		5.000.000.000.000	5.000.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		30.361.932.352	30.361.932.352
Quỹ đầu tư phát triển	418	24	21.021.222.970	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		218.526.319.710	182.111.222.970
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	25.751.884.031
- Lợi nhuận sau thuế năm nay	421b		218.526.319.710	156.359.338.939
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422	25	543.092.845.095	543.092.845.095
<b>Nguồn kinh phí và các quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>18.692.147.991</b>	<b>19.314.222.987</b>
Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432	27	18.692.147.991	19.314.222.987
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>7.937.315.803.629</b>	<b>8.283.713.006.169</b>

Ngày 31 tháng 3 năm 2026

Người lập:

Nguyễn Thị Nga  
Phó Ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:

Nguyễn Ngọc Cách  
Trưởng Ban Tài chính Kế toánCao Hữu Hiếu  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**

**Mẫu B 02 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2025 VND	2024 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>29</b>	<b>2.096.706.645.485</b>	<b>1.694.938.379.548</b>
<b>Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp</b>	<b>11</b>	<b>30</b>	<b>1.972.482.542.876</b>	<b>1.619.332.169.468</b>
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 01 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>124.224.102.609</b>	<b>75.606.210.080</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	424.298.397.655	539.914.108.315
Chi phí tài chính	22	32	139.247.449.962	314.564.216.888
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		113.858.736.564	124.393.716.712
Chi phí bán hàng	25	33	37.494.213.192	40.423.539.322
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	34	154.936.093.919	110.299.118.944
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>216.844.743.191</b>	<b>150.233.443.241</b>
Thu nhập khác	31		1.725.597.081	6.212.332.289
Chi phí khác	32		44.020.562	86.436.591
<b>Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>1.681.576.519</b>	<b>6.125.895.698</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>218.526.319.710</b>	<b>156.359.338.939</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>36</b>	-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)</b>	<b>60</b>		<b>218.526.319.710</b>	<b>156.359.338.939</b>

Ngày 31 tháng 3 năm 2026

Người lập:



Nguyễn Thị Nga  
Phó Ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Ngọc Cách  
Trưởng Ban Tài chính Kế toán



Cao Hữu Hiếu  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025****(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>2025 VND</b>	<b>2024 VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>218.526.319.710</b>	<b>156.359.338.939</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		105.751.554.159	102.567.303.840
Các khoản dự phòng	03		13.407.111.472	149.386.059.946
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		6.271.877.907	11.713.137.303
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(416.086.351.005)	(528.329.450.615)
Chi phí lãi vay	06		113.858.736.564	124.393.716.712
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>41.729.248.807</b>	<b>16.090.106.125</b>
Biến động các khoản phải thu	09		(66.361.125.856)	(60.651.466.466)
Biến động hàng tồn kho	10		128.641.646.484	(171.367.984.927)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(133.520.442.622)	103.381.999.847
Biến động chi phí trả trước	12		5.332.384.323	(1.153.822.970)
			<b>(24.178.288.864)</b>	<b>(113.701.168.391)</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(116.408.855.304)	(128.204.524.412)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(456.000.000)
Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh	16		10.000.000	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(14.581.941.434)	(17.860.842.457)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(155.159.085.602)</b>	<b>(260.222.535.260)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025****(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)****Mẫu B 03 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>2025 VND</b>	<b>2024 VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(147.021.556.329)	(62.582.028.613)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		-	13.636.363.636
Tiền chi cho vay, gửi tiền gửi có kỳ hạn	23		(1.035.865.350.420)	(702.798.057.661)
Tiền thu hồi cho vay, tiền gửi có kỳ hạn	24		1.331.666.670.028	539.564.582.518
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(4.571.000.000)
Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi và cổ tức	27		468.032.931.837	536.626.610.945
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>616.812.695.116</b>	<b>319.876.470.825</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ đi vay	33		1.575.220.687.356	1.395.511.270.874
Tiền trả nợ gốc vay	34		(2.049.032.357.473)	(1.320.699.882.405)
Tiền trả cổ tức	36		-	(149.979.090.500)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(473.811.670.117)</b>	<b>(75.167.702.031)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>(12.158.060.603)</b>	<b>(15.513.766.466)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>82.985.966.045</b>	<b>97.426.193.157</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>		<b>5.070.990.580</b>	<b>1.073.539.354</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>4</b>	<b>75.898.896.022</b>	<b>82.985.966.045</b>

Ngày 31 tháng 3 năm 2026

Người lập:


Nguyễn Thị Nga  
Phó Ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:


Nguyễn Ngọc Cách  
Trưởng Ban Tài chính Kế toánCao Hữu Hiếu  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này



## **Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

## **1. Đơn vị báo cáo**

### **(a) Hình thức sở hữu vốn**

Tập đoàn Dệt May Việt Nam (“Tập đoàn”) được thành lập dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo Quyết định số 974/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 25 tháng 6 năm 2010.

Căn cứ vào Quyết định số 646/QĐ-TTg ngày 6 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam, căn cứ vào Công văn số 4085/BTC-TC ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ Công Thương về việc bán cổ phần lần đầu, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã thực hiện việc bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng theo hình thức kết hợp vừa bán bớt một phần vốn Nhà nước, vừa phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ, tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 22 tháng 9 năm 2014. Theo đó, vốn điều lệ của Tập đoàn Dệt May Việt Nam sau cổ phần hóa là 5.000 tỷ VND, trong đó Nhà nước giữ cổ phần chi phối. Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu ngày 29 tháng 1 năm 2015.

### **(b) Hoạt động chính**

Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nhiệm vụ hoạt động kinh doanh, đầu tư vốn và có toàn quyền quản lý vốn đầu tư trong các công ty con của Tập đoàn để đảm bảo duy trì và phát triển nguồn vốn này, cụ thể như sau:

#### **1. Sản xuất và kinh doanh trong các lĩnh vực sau:**

- Công nghiệp dệt may: sản xuất, kinh doanh nguyên vật liệu, vật tư, thiết bị, phụ tùng, phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm và các sản phẩm cuối cùng của ngành dệt may; sản xuất kinh doanh hàng dệt may gồm các chủng loại xơ, sợi, vải, hàng may mặc, dệt kim, chỉ khâu, khăn bông len, thảm, dây tơ, tơ tằm, vải tơ tằm, vải kỹ thuật, vải không dệt, vải trang trí nội thất;
- Gia công, sản xuất, chế biến nông, lâm, thủy hải sản (sơ chế); đóng gói thực phẩm tươi, thực phẩm sơ chế, thực phẩm khô, bánh mứt các loại;
- Sản xuất kinh doanh nguyên liệu bông xơ; nguyên phụ liệu, bao bì cho sản xuất và chế biến bông; dịch vụ kỹ thuật và kinh doanh các loại giống cây trồng, phân bón và vật tư nông nghiệp khác; sản xuất các chế phẩm sinh học phục vụ cho ngành nông lâm nghiệp; chế biến nông sản; kiểm nghiệm giống bông, giống cây trồng, chất lượng bông xơ;
- Xuất nhập khẩu và kinh doanh thương mại: hàng dệt may, thiết bị phụ tùng ngành dệt may; phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm; hàng công nghệ thực phẩm; nông, lâm, hải sản; thủ công mỹ nghệ; ô tô, xe máy; thiết bị âm thanh, ánh sáng; thiết bị tạo mẫu thời trang; phương tiện vận tải; vật liệu điện, điện tử; phần mềm và thiết bị tin học; cao su; nước uống dinh dưỡng và mỹ phẩm các loại; phụ tùng, máy móc, thiết bị phục vụ công nghiệp; dụng cụ quang học, hệ thống kiểm tra đo lường phục vụ công tác thí nghiệm; phế liệu và thành phẩm sắt, thép và kim loại màu; kinh doanh quần áo và trang thiết bị bảo hộ lao động và các mặt hàng tiêu dùng khác;



## **Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- Kinh doanh bán lẻ các sản phẩm dệt may và các sản phẩm tiêu dùng khác, gồm: đầu tư xây dựng siêu thị; cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh (kiốt, trung tâm thương mại); cho thuê kho, bãi đậu xe, dịch vụ giữ xe; mua bán hàng dệt may, vật tư công nghiệp và các sản phẩm tiêu dùng khác; bia, rượu, thuốc lá các loại; bán hàng lưu động đã đăng ký trong giấy phép đăng ký kinh doanh;
  - Dịch vụ thi công, lắp đặt hệ thống điện dân dụng, điện lạnh, công nghiệp; tư vấn, thiết kế quy trình công nghệ, bố trí máy móc thiết bị cho ngành công nghiệp dân dụng; tư vấn thiết kế lập các dự án đầu tư trong lĩnh vực dệt may, môi trường; tư vấn giám sát, kiểm tra, đánh giá hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kỹ thuật, thương mại và môi trường; thiết kế, chế tạo thiết bị, linh kiện và lắp đặt hệ thống điện công nghiệp, hệ thống cầu, thang nâng hạ, thang máy sản xuất, kinh doanh sửa chữa, lắp đặt các sản phẩm cơ khí và máy móc thiết bị công nghiệp; thực hiện các dịch vụ thương mại và công việc có tính chất công nghiệp; giám định kiểm tra chất lượng nguyên phụ liệu, hoá chất, thuốc nhuộm và các sản phẩm dệt may; dịch vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, đào tạo nghề dệt may công nghiệp, nghề cơ khí; xuất khẩu lao động Việt Nam; uỷ thác mua bán xăng, dầu; kinh doanh kho vận, kho ngoại quan; thiết kế, thi công xây lắp phục vụ ngành công nghiệp và xây dựng dân dụng; dịch vụ khoa học công nghệ, du lịch, khách sạn, nhà hàng, văn phòng, vận tải, du lịch lữ hành trong nước; tư vấn thiết kế dịch vụ đầu tư và kinh doanh cơ sở hạ tầng, dịch vụ ăn uống bình dân, dịch vụ vui chơi giải trí, thể dục thể thao; đại lý bán vé máy bay và đại lý bưu chính viễn thông;
  - Kinh doanh tài chính; hoạt động tài chính, chứng khoán, dịch vụ tài chính khác;
  - Đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng, khu công nghiệp và đô thị; kinh doanh bất động sản; kinh doanh phát triển nhà, khu công nghiệp, đô thị; cho thuê nhà xưởng, nhà ở, văn phòng; đầu tư kinh doanh bưu chính viễn thông;
  - Tổ chức hội chợ triển lãm, biểu diễn thời trang trong và ngoài nước; xuất bản, in ấn; và
  - Đầu tư ra nước ngoài; làm đại diện cho các công ty nước ngoài tại Việt Nam.
2. Đầu tư, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu, cổ đông, thành viên góp vốn tại các công ty con, công ty liên kết và các đơn vị nhận đầu tư khác.

#### **(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn Dệt May Việt Nam nằm trong phạm vi 12 tháng.

## **Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

#### **(d) Cấu trúc của Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có các đơn vị hạch toán phụ thuộc sau:

<b>Tên</b>	<b>Thông tin chính</b>
▪ Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam – Nhà máy Sản xuất Vải Yarn Dyed	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Long An theo GCNĐKHĐCN số 0100100008-049 ngày 4 tháng 11 năm 2015 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.
▪ Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam – Nhà máy Sợi Vinatex Nam Định	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định theo GCNĐKHĐCN số 0100100008-050 ngày 1 tháng 7 năm 2016 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.
▪ Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam – Nhà máy Sợi Vinatex Phú Cường	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai theo GCNĐKHĐCN số 0100100008-051 ngày 26 tháng 7 năm 2016 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.
▪ Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam – Trung tâm Phát triển Sản phẩm và Kinh doanh Vinatex	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội theo GCNĐKHĐCN số 0100100008-052 ngày 11 tháng 4 năm 2018 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.
▪ Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam – Nhà máy May Quế Sơn	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Nam theo GCNĐKHĐCN số 0100100008-053 ngày 25 tháng 5 năm 2018 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có 33 công ty con cấp 1, công ty con cấp 2 và công ty con cấp 3 (1/1/2025: 33 công ty con cấp 1, công ty con cấp 2 và công ty con cấp 3) và 29 công ty liên kết (1/1/2025: 29 công ty liên kết). Chi tiết về các công ty con cấp 1 và các công ty liên kết trọng yếu được trình bày tại Thuyết minh 5(b).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có 644 nhân viên (1/1/2025: 640 nhân viên).

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**  
(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn Dệt May Việt Nam là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn Dệt May Việt Nam áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

**(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản/bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn Dệt May Việt Nam thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**(b) Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(c) Các khoản đầu tư**

**(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Cơ quan Tổng Giám đốc dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(ii) Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác phát sinh trong giai đoạn trước cổ phần hóa**

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác phát sinh trong giai đoạn trước cổ phần hóa được ghi nhận theo giá trị được xác định lại tại thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần theo quy định tại Điểm a, Điểm b, Điểm c, Khoản 1, Điều 33, Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần (“Nghị định 59”) và Khoản 5, Khoản 6, Điều 1, Nghị định số 116/2015/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 59, cụ thể như sau:

- Giá trị các khoản đầu tư tài chính vào công ty cổ phần đã niêm yết, đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán được xác định theo giá đóng cửa của cổ phiếu giao dịch trên thị trường chứng khoán tại thời điểm gần nhất với thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần.
- Giá trị các khoản đầu tư tài chính vào (i) cổ phiếu của công ty cổ phần đã niêm yết trên thị trường UPCoM mà không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước thời điểm định giá; (ii) cổ phiếu của công ty cổ phần chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán và (iii) các doanh nghiệp khác được xác định trên cơ sở:
  - Tỷ lệ vốn đầu tư của Tập đoàn Dệt May Việt Nam trên vốn điều lệ, vốn cổ phần hoặc tổng số vốn thực góp tại đơn vị nhận đầu tư.
  - Giá trị vốn chủ sở hữu tại đơn vị nhận đầu tư được xác định theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán. Trường hợp chưa kiểm toán thì căn cứ vào giá trị vốn chủ sở hữu theo báo cáo tài chính tại thời điểm gần nhất của đơn vị đó để xác định.
  - Trường hợp giá trị khoản đầu tư tài chính khi xác định lại có giá trị thấp hơn giá trị ghi trên sổ sách kế toán thì được xác định theo giá trị thực tế xác định lại.

Giá trị đánh giá lại như hướng dẫn ở trên được xem là giá gốc ban đầu của các khoản đầu tư khi Tập đoàn Dệt May Việt Nam chuyển thành công ty cổ phần. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Trong trường hợp Tập đoàn Dệt May Việt Nam nhận được cổ tức hoặc lợi nhuận được chia tương ứng với phần tăng thêm do định giá lại khoản đầu tư trong quá trình cổ phần hóa, giá trị khoản đầu tư sẽ được giảm tương ứng với phần cổ tức hoặc lợi nhuận được chia này (Thuyết minh 3(p)(ii)).

**(iii) Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác phát sinh trong giai đoạn sau cổ phần hóa**

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác phát sinh trong giai đoạn sau cổ phần hóa được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(iv) Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính**

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tập đoàn Dệt may Việt Nam có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia.

Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(d) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(e) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(f) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 50 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	4 – 15 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 10 năm



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(g) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

**(ii) Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 10 năm.

**(h) Bất động sản đầu tư**

***Bất động sản đầu tư cho thuê***

***Nguyên giá***

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

***Khấu hao***

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- |                     |            |
|---------------------|------------|
| ▪ quyền sử dụng đất | 32 năm     |
| ▪ nhà cửa           | 5 – 32 năm |

**(i) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Tập đoàn Dệt May Việt Nam không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(j) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Chi phí đất trả trước**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của các hợp đồng thuê đất trong vòng từ 10 đến 40 năm.

**(ii) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn Dệt May Việt Nam nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(iii) Chi phí sửa chữa, cải tạo**

Chi phí sửa chữa, cải tạo bao gồm các chi phí phát sinh cho việc sửa chữa những hư hỏng trong thời gian sử dụng tài sản và cải tạo văn phòng. Các chi phí này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(iv) Chi phí trả trước khác**

Chi phí trả trước khác bao gồm phí dịch vụ được ghi nhận lần đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn hợp đồng.

**(k) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được phản ánh theo giá gốc.

**(l) Dự phòng**

Trừ những khoản dự phòng được định nghĩa ở các chính sách kế toán khác, một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**(m) Vốn cổ phần**

**(i) Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá.

## **Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

#### **(ii) *Thặng dư vốn cổ phần***

Chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

#### **(n) *Thuế***

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trước hợp nhất trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

#### **(o) *Doanh thu***

##### **(i) *Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

##### **(ii) *Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

##### **(iii) *Doanh thu dịch vụ gia công***

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(iv) Doanh thu cho thuê**

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

**(p) Doanh thu hoạt động tài chính**

**(i) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(ii) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Khoản cổ tức hoặc lợi nhuận được chia đã sử dụng để định giá lại giá trị khoản đầu tư khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hoá và tại thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính mà ghi giảm giá trị khoản đầu tư tài chính (Thuyết minh 3(c)(ii)).

**(q) Thuê tài sản**

**(i) Tài sản thuê**

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê không phải thuê tài chính được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán riêng của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

**(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

**(r) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(s) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn Dệt May Việt Nam nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan bao gồm các công ty con và công ty liên kết của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, công ty mẹ – Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước – Công ty TNHH, và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ.

**(t) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính riêng năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam trong năm trước.

**4. Tiền**

	<b>31/12/2025</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2025</b> <b>VND</b>
Tiền mặt	10.786.326.634	6.725.441.953
Tiền gửi ngân hàng	65.071.358.848	76.225.181.111
Tiền đang chuyển	41.210.540	35.342.981
	<hr/>	<hr/>
	75.898.896.022	82.985.966.045

5. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2025		1/1/2025	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn (i)	1.400.005.350.420	1.419.878.249.175	1.328.900.000.000	1.336.686.492.060
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn				
▪ Trái phiếu chuyển đổi (ii)	45.360.000.000	(*)	-	-

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng và hưởng lãi suất năm trong khoảng từ 3,9% đến 7,5%/năm (1/1/2025: từ 3,9% đến 4,2%/năm).

Giá trị hợp lý của khoản tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn bao gồm giá gốc của khoản tiền gửi ban đầu và lãi dự thu đến ngày 31 tháng 12 năm 2025/ngày 1 tháng 1 năm 2025 hiện đang ghi nhận là khoản phải thu khác. Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam đánh giá rằng khoản tiền gửi này được gửi ở các ngân hàng có uy tín tại Việt Nam nên không bị suy giảm giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và 1 tháng 1 năm 2025.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 bao gồm 110.000 triệu VND (1/1/2025: 110.000 triệu VND) đã được dùng để thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (Thuyết minh 20(b)) và 20.000 triệu VND đang được dùng để thế chấp tại ngân hàng để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thanh toán với các nhà cung cấp.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn phản ánh khoản trái phiếu chuyển đổi do Tổng Công ty Cổ phần May Nhà Bè – công ty liên kết của Tập đoàn phát hành bằng VND, có kỳ hạn 2 năm, có thể chuyển đổi thành cổ phiếu vào năm 2027 và hưởng lãi suất 5%/năm.

(\*) Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.



Tập đoàn Dệt May Việt Nam  
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư góp vốn vào:

- Công ty con
  - Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú
  - Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Phương
  - Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
  - Công ty Cổ phần Sản xuất – Xuất nhập khẩu Dệt May
  - Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
  - Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đồng Xuân
  - Công ty TNHH Sản xuất Kinh doanh Nguyên liệu Dệt May Việt Nam
  - Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Dệt May Phố Mới
  - Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài
  - Công ty Cổ phần Dệt May Huế
  - Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex
  - Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam – Vinatex
  - Công ty Cổ phần Vinatex Phú Hưng

Công ty liên kết

- Tổng Công ty May Nhà Bè – CTCP
- Tổng Công ty Đức Giang – CTCP
- Tổng Công ty May Hưng Yên – CTCP
- Tổng Công ty May 10 – CTCP
- Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến
- Tổng Công ty Việt Thăng – CTCP
- Các khoản đầu tư tại các công ty liên kết khác

Đơn vị khác

- Công ty Cổ phần TCE VINA DENIM
- Các khoản đầu tư khác

	31/12/2025				1/1/2025					
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư góp vốn vào:										
▪ Công ty con										
• Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú	50,10%	50,10%	532.242.925.014	-	(*)	50,10%	50,10%	532.242.925.014	-	(*)
• Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Phương	100,00%	100,00%	163.627.554.636	(163.627.554.636)	(*)	100,00%	100,00%	163.627.554.636	(157.938.495.098)	(*)
• Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ	61,87%	61,87%	189.153.465.950	-	(*)	61,87%	61,87%	189.153.465.950	-	(*)
• Công ty Cổ phần Sản xuất – Xuất nhập khẩu Dệt May	68,34%	68,34%	26.032.500.000	(26.032.500.000)	(*)	68,34%	68,34%	26.032.500.000	(26.032.500.000)	(*)
• Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định	53,67%	53,67%	81.555.023.813	(53.529.615.563)	(*)	53,67%	53,67%	81.555.023.813	(50.527.953.856)	(*)
• Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đồng Xuân	100,00%	100,00%	115.191.925.340	(39.281.028.352)	(*)	100,00%	100,00%	115.191.925.340	(6.673.743.534)	(*)
• Công ty TNHH Sản xuất Kinh doanh Nguyên liệu Dệt May Việt Nam	61,63%	61,63%	24.852.076.451	(17.428.039.772)	(*)	61,63%	61,63%	24.852.076.451	(23.343.851.478)	(*)
• Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Dệt May Phố Mới	51,00%	51,00%	38.633.449.251	-	(*)	51,00%	51,00%	38.633.449.251	-	(*)
• Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài	60,73%	60,73%	122.656.621.350	-	(*)	60,73%	60,73%	122.656.621.350	-	(*)
• Công ty Cổ phần Dệt May Huế	60,86%	60,86%	172.033.729.000	-	(*)	60,86%	60,86%	172.033.729.000	-	(*)
• Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex	100,00%	100,00%	500.000.000.000	(235.357.749.145)	(*)	100,00%	100,00%	500.000.000.000	(257.189.089.790)	(*)
• Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam – Vinatex	100,00%	100,00%	191.301.358.205	-	(*)	100,00%	100,00%	191.301.358.205	-	(*)
• Công ty Cổ phần Vinatex Phú Hưng	52,00%	52,00%	33.800.000.000	-	(*)	52,00%	52,00%	33.800.000.000	-	(*)
			2.191.080.629.010	(535.256.487.468)				2.191.080.629.010	(521.705.633.756)	
▪ Công ty liên kết										
• Tổng Công ty May Nhà Bè – CTCP	25,20%	25,20%	64.157.524.344	-	(*)	25,20%	25,20%	64.157.524.344	-	(*)
• Tổng Công ty Đức Giang – CTCP	35,22%	35,22%	48.705.037.797	-	(*)	35,22%	35,22%	48.705.037.797	-	(*)
• Tổng Công ty May Hưng Yên – CTCP	35,01%	35,01%	47.350.233.012	-	(*)	35,01%	35,01%	47.350.233.012	-	(*)
• Tổng Công ty May 10 – CTCP	32,21%	32,21%	97.190.682.268	-	(*)	32,21%	32,21%	97.190.682.268	-	(*)
• Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến	30,40%	30,40%	288.033.867.683	-	(*)	30,40%	30,40%	288.033.867.683	-	(*)
• Tổng Công ty Việt Thăng – CTCP	46,93%	46,93%	196.304.445.135	-	(*)	46,93%	46,93%	196.304.445.135	-	(*)
• Các khoản đầu tư tại các công ty liên kết khác			301.099.065.540	(25.898.380.663)	(*)			301.099.065.540	(25.228.027.712)	(*)
			1.042.840.855.779	(25.898.380.663)				1.042.840.855.779	(25.228.027.712)	
▪ Đơn vị khác										
• Công ty Cổ phần TCE VINA DENIM	1,83%	1,83%	19.450.204.510	-	(*)	1,83%	1,83%	19.450.204.510	-	(*)
• Các khoản đầu tư khác			20.339.294.390	-	(*)			20.339.294.390	-	(*)
			39.789.498.900	-				39.789.498.900	-	
			3.273.710.983.689	(561.154.868.131)				3.273.710.983.689	(546.933.661.468)	



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 1 tháng 1 năm 2025, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có 13 công ty con cấp 1 và 17 công ty liên kết cấp 1. Các công ty con và công ty liên kết đều được thành lập tại Việt Nam.

(\*)Tập đoàn Dệt May Việt Nam chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**6. Phải thu của khách hàng****(a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
<b>Phải thu của khách hàng là các công ty con</b>		
▪ Công ty TNHH MTV Dệt 8/3	168.690.485.840	139.678.970.930
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định	138.509.283.107	4.763.853.764
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội	4.310.454.226	55.149.504.909
▪ Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Phương	27.734.152.687	14.804.567.129
▪ Công ty Cổ phần Vinatex Phú Hưng	6.189.731.542	6.635.342.041
▪ Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Xuân	5.470.459.165	11.391.164.802
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ	2.646.083.866	3.460.263.518
▪ Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Dệt May Phố Nối	1.821.834.380	1.875.269.220
▪ Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú	53.488.507	-
<b>Phải thu của khách hàng là các công ty liên kết</b>		
▪ Các công ty liên kết	298.231.470	356.400.000
<b>Phải thu của khách hàng là các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ</b>		
▪ Các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ	15.446.655.447	-
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>		
▪ Công ty Cổ phần Sợi Trường Phú	73.831.962.107	21.998.731.253
▪ Công ty Cổ phần Sợi Phú Hoàng	72.852.550.825	92.761.853.545
▪ Công ty TNHH GDI Textile	12.531.760.602	-
▪ Xiamen Port Commerce Information Co., Ltd	11.480.870.571	2.300.297.132
▪ Xiamen Haixia Investment Co., Ltd.	9.339.759.522	10.762.005.546
▪ Công ty TNHH Dệt Nhuộm Nam Phương	8.655.843.426	-
▪ Anqing Xinkun Trading Co., Ltd.	5.062.760.874	-
▪ Công ty TNHH Samil Vina	4.861.861.960	-
▪ Sumtex Industrial Limited	3.114.519.017	18.649.101.703
▪ Các khách hàng khác	38.452.991.255	44.419.136.451
	<b>611.355.740.396</b>	<b>429.006.461.943</b>

Khoản phải thu từ các công ty con và công ty liên kết của Tập đoàn, và công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ không có đảm bảo, không chịu lãi và có điều khoản thanh toán từ 30 đến 180 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Phải thu dài hạn của khách hàng**

	<b>31/12/2025</b>	<b>1/1/2025</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Phải thu của khách hàng là công ty con</b>		
▪ Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Phương	44.968.533.789	61.843.907.911

Khoản phải thu khách hàng từ công ty con không có đảm bảo, không chịu lãi và được hoàn trả theo kế hoạch trả nợ đã được thống nhất giữa hai bên.

**7. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<b>31/12/2025</b>	<b>1/1/2025</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Trả trước cho người bán là các công ty con</b>		
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định	-	1.908.528.317
<b>Trả trước cho người bán là các công ty liên kết</b>		
▪ Công ty Cổ phần May Nam Định	2.849.864.000	2.849.864.000
▪ Công ty Cổ phần May Bình Minh	23.553.309	12.556.372
<b>Trả trước cho người bán là bên khác</b>		
▪ Toyo Cotton Co.	1.557.990.705	135.876.641
▪ Toyo Cotton (Japan) Co.	4.205.940.226	-
▪ Công ty TNHH Letrading Việt Nam	1.432.935.000	-
▪ Cargill Cotton, Inc.	873.939.300	-
▪ Xinfengming Jiangsu Xintuo New Material Co., Ltd.	704.227.186	502.604.329
▪ Olam Global Agri Pte. Ltd.	688.377.256	-
▪ Henan Tongzhou Cotton Trade Co., Ltd.	215.771.268	13.524.967.367
▪ Cofco International Singapore Pte. Ltd.	16.393.306	5.428.706.346
▪ Ecom Agroindustrial Corp. Ltd.	2.714.355	313.705.041
▪ ADM International Sarl	1.741.745	1.491.918.997
▪ Targray Markets Europe SA	-	8.933.603.560
▪ Các nhà cung cấp khác	6.733.884.190	15.135.616.917
	<b>19.307.331.846</b>	<b>50.237.947.887</b>

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***8. Phải thu về cho vay****(a) Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	<b>31/12/2025</b>	<b>1/1/2025</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Phải thu về cho vay từ các công ty con</b>		
▪ Công ty Cổ phần Dệt May Huế	-	23.200.000.000
▪ Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú (i)	18.709.723.616	16.438.837.321
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội (i)	7.643.899.239	6.716.123.787
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (i)	7.526.382.319	6.612.870.407
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định – Khoản 1 (i)	4.734.223.091	4.159.608.517
▪ Công ty Cổ phần Dệt May Huế (i)	2.859.682.765	2.512.589.779
▪ Công ty TNHH MTV Dệt 8/3 (i)	2.673.440.308	2.348.952.488
▪ Công ty TNHH MTV Dệt Kim Đông Xuân – Khoản 1 (i)	2.117.961.525	1.860.894.405
▪ Công ty TNHH MTV Dệt Kim Đông Xuân – Khoản 2 (i)	6.479.952.824	17.100.000.000
	<b>52.745.265.687</b>	<b>80.949.876.704</b>



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Phải thu về cho vay dài hạn**

	<b>Năm đáo hạn</b>	<b>31/12/2025 VND</b>	<b>1/1/2025 VND</b>
<b>Phải thu về cho vay từ các công ty con</b>			
▪ Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú (i)	2035	160.160.958.306	516.330.778.160
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội (i)	2035	210.123.618.875	210.948.093.238
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (i)	2035	206.893.183.109	207.704.982.228
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định – Khoản 1 (i)	2035	130.139.353.259	130.649.988.600
▪ Công ty Cổ phần Dệt May Huế (i)	2035	78.609.997.276	78.918.443.899
▪ Công ty TNHH MTV Dệt 8-3 (i)	2035	73.490.367.441	73.778.725.851
▪ Công ty TNHH MTV Dệt Kim Đông Xuân – Khoản 1 (i)	2035	58.220.770.411	58.449.214.835
▪ Công ty TNHH MTV Dệt Kim Đông Xuân – Khoản 2 (ii)	2029	28.807.673.551	23.542.959.288
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định – Khoản 2 (iii)	2027	64.999.388.608	64.999.388.608
		<b>1.011.445.310.836</b>	<b>1.365.322.574.707</b>

Điều khoản và điều kiện của các khoản phải thu về cho vay hiện còn số dư như sau:

- (i) Đây là các khoản Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho các công ty con vay lại từ nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á (“ADB”) (Thuyết minh 20(b)(i)). Các khoản cho vay này được tính lãi theo lãi suất mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam phải trả cho Ngân hàng Phát triển Châu Á và phí phải trả Bộ Tài chính cộng thêm 0,5% phí quản lý của Tập đoàn.
- (ii) Khoản phải thu về cho vay này không có tài sản đảm bảo và không hưởng lãi trong năm 2022, từ năm 2023 lãi suất của khoản phải thu về cho vay này được áp dụng theo nguyên tắc không cao hơn lãi suất vay trung hạn và cao hơn lãi suất tiền gửi VND kỳ hạn 13 tháng loại trả lãi cuối kỳ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố áp dụng đối với các tổ chức, được điều chỉnh 6 tháng một lần.
- (iii) Khoản phải thu về cho vay này không có tài sản đảm bảo và hưởng lãi suất 5,5%/năm.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***9. Phải thu khác****(a) Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2025</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2025</b> <b>VND</b>
Cổ tức phải thu	118.284.838.361	178.020.933.261
Các khoản trả hộ Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam – Vinatex	-	32.100.800.000
Tiền lãi cho vay	22.507.923.916	25.015.218.271
Lãi tiền gửi	19.872.898.755	7.786.492.060
Lãi và phí quản lý khoản vay ADB	4.738.041.161	6.915.130.816
Tạm ứng cho công nhân viên	2.229.760.107	6.509.723.736
Phải thu từ điều chuyển tài sản cho Công ty TNHH MTV		
Dệt kim Đồng Phương	7.501.375.304	7.501.375.304
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.195.304.617	2.108.258.782
Đặt cọc tiền thuê văn phòng	4.620.992.879	-
	<hr/>	<hr/>
	180.951.135.100	265.957.932.230

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các khoản phải thu ngắn hạn khác từ các công ty liên quan như sau:

	<b>31/12/2025</b>	<b>1/1/2025</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty con</b>		
▪ Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam – Vinatex	17.855.000.000	32.100.800.000
▪ Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Phương	19.192.456.165	19.192.456.165
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội	16.892.442.663	16.964.521.692
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định	966.594.712	5.270.032.482
▪ Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Xuân	6.830.504.266	5.021.962.904
▪ Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú	879.233.773	55.168.797.763
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ	56.739.485.721	67.947.559.608
▪ Công ty Cổ phần Dệt May Huế	18.745.644.944	24.887.671.859
▪ Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Dệt May Phố Nối	-	2.040.000.000
▪ Các công ty con khác	3.514.024.020	3.932.890.306
<b>Công ty liên kết</b>		
▪ Tổng Công ty May 10 – CTCP	-	10.227.398.000
▪ Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP	4.927.500.000	3.942.000.000
▪ Tổng Công ty May Hưng Yên – CTCP	6.830.562.000	3.415.281.000
▪ Các công ty liên kết khác	-	17.484.978
	<b>153.373.448.264</b>	<b>250.128.856.757</b>

Khoản phải thu ngắn hạn khác từ các công ty liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và có điều khoản thanh toán theo yêu cầu.



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**  
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Phải thu dài hạn khác**

	<b>31/12/2025</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2025</b> <b>VND</b>
<b>Phải thu dài hạn khác từ công ty con</b>		
Phải thu từ Công ty TNHH MTV Dệt 8-3 (i)	170.496.650.079	170.496.650.079
Phải thu dài hạn Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội (ii)	136.932.000.000	136.932.000.000
Tài sản bàn giao cho Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex	-	11.110.697.380
Phải thu từ điều chuyển tài sản cho Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Xuân	13.278.062.013	13.944.789.609
Phải thu tiền thuê nhà xưởng từ Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Phương	13.510.094.763	13.510.094.763
<b>Phải thu dài hạn khác</b>		
Ký quỹ bảo đảm dự án đầu tư Dự án Nhà máy Liên hợp Sợi-Dệt-Nhuộm-May Quảng Nam (iii)	5.715.000.000	5.715.000.000
Đặt cọc tiền thuê nhà xưởng, văn phòng Dự án Coats	2.137.350.000	-
Đặt cọc tiền thuê văn phòng	-	4.620.992.879
Khác	3.286.359	3.286.359
	<b>342.072.443.214</b>	<b>356.333.511.069</b>

- (i) Phản ánh khoản tiền chuyển mục đích sử dụng đất được Bộ Tài chính giao cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam trong năm 2015 cho mục đích thực hiện các dự án đầu tư tại Công ty TNHH MTV Dệt 8-3. Khoản này sẽ được ghi tăng vốn đầu tư của Tập đoàn Dệt May Việt Nam vào Công ty TNHH MTV Dệt 8-3 khi các thủ tục thực hiện tăng vốn được hoàn thành. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính riêng này, các thủ tục tăng vốn vẫn chưa được hoàn thành.
- (ii) Phản ánh khoản tiền chuyển mục đích sử dụng đất được Bộ Tài Chính giao cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam trong năm 2015 cho mục đích thực hiện các dự án đầu tư tại Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội. Khoản này sẽ được ghi tăng vốn đầu tư của Tập đoàn Dệt May Việt Nam vào Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội khi các thủ tục thực hiện tăng vốn được hoàn thành. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính riêng này, các thủ tục tăng vốn vẫn chưa được hoàn thành.
- (iii) Phản ánh khoản tiền Tập đoàn Dệt May Việt Nam ký quỹ bảo đảm tại tài khoản của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Nam nhằm mục đích bảo đảm thực hiện Dự án Nhà máy Liên hợp Sợi-Dệt-Nhuộm-May Quảng Nam.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**  
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***10. Hàng tồn kho**

	<b>31/12/2025</b>		<b>1/1/2025</b>	
	<b>Giá gốc VND</b>	<b>Dự phòng VND</b>	<b>Giá gốc VND</b>	<b>Dự phòng VND</b>
Hàng mua đang đi đường	156.665.873.483	-	277.691.564.392	-
Nguyên vật liệu	68.348.197.452	(1.215.216.757)	82.035.334.818	(2.094.879.939)
Công cụ và dụng cụ	6.391.579.308	-	4.656.898.518	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	23.268.098.843	-	11.711.569.683	-
Thành phẩm dệt may	70.497.423.496	(6.469.042.954)	67.307.510.014	(5.334.156.775)
Thành phẩm bất động sản	173.330.273.189	-	-	-
Hàng hóa	3.350.170.151	(327.058.024)	13.760.111.792	(1.396.376.212)
	<b>501.851.615.922</b>	<b>(8.011.317.735)</b>	<b>457.162.989.217</b>	<b>(8.825.412.926)</b>

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 có 1.215 triệu VND nguyên vật liệu, 8.417 triệu VND thành phẩm và 3.022 triệu VND hàng hóa (1/1/2025: 77.607 triệu VND nguyên vật liệu, 54.702 triệu VND thành phẩm, 12.407 triệu VND hàng hóa) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**11. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	496.419.014.819	1.109.322.457.298	44.151.471.549	49.732.881.340	1.699.625.825.006
Tăng trong năm	-	2.950.698.129	1.019.760.000	485.475.478	4.455.933.607
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	12.387.453.797	4.661.769.480	-	3.442.843.334	20.492.066.611
Tài sản điều chuyển cho công ty con	-	(183.736.800)	(814.997.273)	-	(998.734.073)
Phân loại lại	(6.389.254.110)	3.570.435.318	(9.893.363)	2.828.712.155	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>502.417.214.506</b>	<b>1.120.321.623.425</b>	<b>44.346.340.913</b>	<b>56.489.912.307</b>	<b>1.723.575.091.151</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	282.293.187.193	706.654.197.272	30.064.348.024	44.450.200.428	1.063.461.932.917
Khấu hao trong năm	16.750.223.186	76.413.062.338	3.538.512.901	3.357.749.118	100.059.547.543
Tài sản điều chuyển cho công ty con	-	(43.341.744)	(814.997.273)	-	(858.339.017)
Phân loại lại	(355.851.362)	229.630.543	156.958.005	(30.737.186)	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>298.687.559.017</b>	<b>783.253.548.409</b>	<b>32.944.821.657</b>	<b>47.777.212.360</b>	<b>1.162.663.141.443</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	214.125.827.626	402.668.260.026	14.087.123.525	5.282.680.912	636.163.892.089
Số dư cuối năm	203.729.655.489	337.068.075.016	11.401.519.256	8.712.699.947	560.911.949.708

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 có các tài sản có nguyên giá 194.697 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2025: 171.172 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 36.573 triệu VND (1/1/2025: 53.426 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (Thuyết minh 20(b)).





**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**  
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***12. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	78.833.849.210	3.071.624.301	81.905.473.511
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	56.478.817	56.478.817
Chuyển sang xây dựng cơ bản dở dang	(78.833.849.210)	-	(78.833.849.210)
Số dư cuối năm	-	3.128.103.118	3.128.103.118
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	24.753.747.712	2.763.275.002	27.517.022.714
Khấu hao trong năm	1.585.868.493	88.194.848	1.674.063.341
Chuyển sang xây dựng cơ bản dở dang	(26.339.616.205)	-	(26.339.616.205)
Số dư cuối năm	-	2.851.469.850	2.851.469.850
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	54.080.101.498	308.349.299	54.388.450.797
Số dư cuối năm	-	276.633.268	276.633.268

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 có các tài sản có nguyên giá 2.504 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2025: 10.927 triệu VND).

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***13. Bất động sản đầu tư****Bất động sản đầu tư cho thuê**

	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>	<b>Nhà cửa VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	39.270.144.951	181.659.141.036	220.929.285.987
Số dư cuối năm	39.270.144.951	181.659.141.036	220.929.285.987
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Khấu hao trong năm	460.197.011	3.171.107.380	3.631.304.391
Số dư cuối năm	460.197.011	3.171.107.380	3.631.304.391
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư cuối năm	38.809.947.940	178.488.033.656	217.297.981.596

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, bất động sản đầu tư cho thuê của Tập đoàn chủ yếu bao gồm tầng hầm và văn phòng cho thuê tại 14 Võ Văn Kiệt, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tập đoàn chưa thu thập được các thông tin cần thiết để xác định giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***14. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>31/12/2025 VND</b>	<b>1/1/2025 VND</b>
Số dư đầu năm	334.598.697.430	274.187.600.718
Tăng trong năm	144.171.224.213	72.223.708.136
Chuyển từ tài sản cố định vô hình	52.494.233.005	-
Chuyển sang hàng tồn kho	(173.330.273.189)	-
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(20.492.066.611)	(11.812.611.424)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(56.478.817)	-
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(220.929.285.987)	-
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(26.977.773.677)	-
Xóa sổ	(1.789.598.272)	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>87.688.678.095</b>	<b>334.598.697.430</b>

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	<b>31/12/2025 VND</b>	<b>1/1/2025 VND</b>
Nhà máy Sợi Nam Định	18.973.452.363	18.973.452.363
Nhà máy Liên hợp Sợi-Dệt-Nhuộm-May Quảng Nam	5.813.893.461	5.813.893.461
Dự án Cao ốc Văn phòng – Căn hộ Vinatex Building	-	266.976.773.659
Máy móc thiết bị chưa lắp đặt – Nhà máy Sợi Phú Cường	27.167.083.341	-
Máy móc thiết bị chưa lắp đặt – Dự án Vinatex - Coats	20.767.632.841	-
Dự án mua máy móc thiết bị cho Vinatex Phú Hưng	14.966.616.089	-
Trung tâm Phát triển Sản phẩm và Kinh doanh Thời trang Vinatex	-	28.657.525.878
Kho nguyên liệu và thành phẩm Nhà máy Sợi Phú Cường	-	12.387.453.797
Trung tâm Nguyên phụ liệu Dệt may Da giày	-	1.789.598.272
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>87.688.678.095</b>	<b>334.598.697.430</b>



## 15. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí sửa chữa, cải tạo VND	Chi phí khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	32.977.437.709	3.894.062.973	469.664.230	1.074.435.422	38.415.600.334
Tăng trong năm	-	5.061.759.087	1.099.593.485	1.885.372.529	8.046.725.101
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	3.087.646.444	23.890.127.233	-	26.977.773.677
Phân bổ trong năm	(1.008.713.880)	(4.643.471.283)	(7.681.816.292)	(1.188.389.496)	(14.522.390.951)
Số dư cuối năm	31.968.723.829	7.399.997.221	17.777.568.656	1.771.418.455	58.917.708.161

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***16. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<b>Giá gốc và số có khả năng trả nợ</b>	
	<b>31/12/2025</b>	<b>1/1/2025</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Phải trả người bán là các công ty con</b>		
▪ Công ty TNHH MTV Dệt kim Đồng Xuân	1.287.930.132	112.241.752
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định	282.310.576	23.005.200
▪ Công ty Cổ phần Thời trang Hanosimex	139.842.720	322.198.816
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ	91.677.125	121.055.860
▪ Công ty Cổ phần Dệt May Huế	27.822.620	63.555.840
▪ Công ty Cổ phần Dệt Gia dụng Phong Phú	17.039.619	61.215.479
<b>Phải trả người bán là các công ty liên kết</b>		
▪ Tổng Công ty Đức Giang – CTCP	27.353.000.817	27.692.517.297
▪ Tổng Công ty May 10 – CTCP	5.801.954.989	5.553.732.026
▪ Công ty Cổ phần Dệt may Liên Phương	2.546.075.599	2.546.075.599
▪ Tổng Công ty May Nhà Bè – CTCP	288.299.315	-
▪ Công ty Cổ phần May Nam Định	46.584.012	184.755.267
▪ Công ty Cổ phần May Bình Minh	-	30.000.000
▪ Chi nhánh Công ty TNHH Coats Phong Phú	-	1.086.666.630
<b>Phải trả người bán khác</b>		
▪ Viterra B.V	16.122.822.553	-
▪ Công ty Cổ phần Xây dựng Phước Thành	9.829.125.592	-
▪ Công ty Cổ phần May Tiên Tiến	9.494.411.818	16.911.286.725
▪ ICT Trading S.A.	8.138.732.815	-
▪ Công ty TNHH Xây dựng Sản xuất Thương mại Tài Nguyên	7.510.982.998	7.510.982.998
▪ Toyo Cotton Co.	7.410.855.279	4.426.317.621
▪ Stonex Switzeland S.A (CDI Cotton Distributorn INC)	5.249.840.184	-
▪ Devcot S.A	4.281.986.519	53.695.658
▪ Công ty TNHH Greenyellow Smart Solutions Việt Nam	3.653.167.817	1.366.056.948
▪ Louis Dreyfus Company Suisse SA	332.417.989	61.052.952.767
▪ Olam Global Agri Pte Ltd	16.364.332	42.187.854.341
▪ Targray Technology International Inc.	3.708.180	9.140.041.376
▪ Henan Tongzhou Cotton Trade Co., Ltd.	-	54.232.004.146
▪ Ecom USA, LLC	-	19.736.015.012
▪ Các nhà cung cấp khác	31.015.108.526	25.122.142.206
	<b>140.942.062.126</b>	<b>279.536.369.564</b>

Khoản phải trả các công ty con và các công ty liên kết không được đảm bảo, không chịu lãi và có điều khoản thanh toán trong vòng 30 đến 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**17. Thuế và các khoản khác phải thu và phải nộp Nhà nước**

**(a) Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước**

	1/1/2025 VND	Số đã nộp trong năm VND	Số đã được hoàn/ bù trừ trong năm VND	31/12/2025 VND
<b>Thuế</b>				
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>				
<i>Văn phòng</i>	660.960.646	-	-	660.960.646
	660.960.646	-	-	660.960.646
<b>Thuế GTGT hàng bán nội địa</b>				
<i>Văn phòng</i>	456.000.000	-	(456.000.000)	-
	456.000.000	-	(456.000.000)	-
<b>Tiền thuê đất, thuế đất</b>				
<i>Văn phòng</i>	-	1.333.413.383	-	1.333.413.383
	-	1.034.858.218	-	1.034.858.218
	-	298.555.165	-	298.555.165
<i>Trung tâm Phát triển Sản phẩm và Kinh doanh Vinatex</i>				
	1.116.960.646	1.333.413.383	(456.000.000)	1.994.374.029



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước**

	1/1/2025 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp/được hoàn trong năm VND	Bù trừ với thuế GTGT đầu vào VND	31/12/2025 VND
<b>Thuế</b>					
<b>Thuế GTGT hàng bán nội địa</b>	<b>1.192.181.337</b>	<b>83.364.461.354</b>	<b>(14.692.335.700)</b>	<b>(63.002.829.587)</b>	<b>6.861.477.404</b>
Văn phòng	-	60.765.452.194	(13.833.383.434)	(40.070.591.356)	6.861.477.404
Nhà máy Sợi Phú Cường	-	9.016.551.054	(28.368.510)	(8.988.182.544)	-
Nhà máy Sợi Nam Định	982.498.859	4.390.944.202	-	(5.373.443.061)	-
Trung tâm Phát triển Sản phẩm và Kinh doanh Vinatex	209.682.478	9.191.513.904	(830.583.756)	(8.570.612.626)	-
<b>Thuế GTGT hàng nhập khẩu</b>	<b>-</b>	<b>9.897.228.243</b>	<b>(9.897.228.243)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Văn phòng	-	630.868.156	(630.868.156)	-	-
Nhà máy Sợi Phú Cường	-	8.031.248.786	(8.031.248.786)	-	-
Nhà máy Sợi Nam Định	-	578.446.335	(578.446.335)	-	-
Trung tâm Phát triển Sản phẩm và Kinh doanh Vinatex	-	656.664.966	(656.664.966)	-	-
<b>Thuế nhập khẩu</b>	<b>-</b>	<b>611.557.162</b>	<b>(611.557.162)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Văn phòng	-	188.433.567	(188.433.567)	-	-
Nhà máy Sợi Nam Định	-	15.203.145	(15.203.145)	-	-
Nhà máy Sợi Phú Cường	-	38.383.715	(38.383.715)	-	-
Trung tâm Phát triển Sản phẩm và Kinh doanh Vinatex	-	369.536.735	(369.536.735)	-	-
<b>Các loại thuế khác</b>	<b>559.083.684</b>	<b>3.945.590.876</b>	<b>(4.221.548.283)</b>	<b>-</b>	<b>283.126.277</b>
<b>+ Thuế môn bài</b>	<b>-</b>	<b>8.500.000</b>	<b>(8.500.000)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Văn phòng	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-
Nhà máy Sợi Nam Định	-	1.000.000	(1.000.000)	-	-
Nhà máy Sợi Phú Cường	-	1.000.000	(1.000.000)	-	-
Nhà máy May Quế Sơn	-	1.000.000	(1.000.000)	-	-
Trung tâm Phát triển Sản phẩm và Kinh doanh Vinatex	-	1.500.000	(1.500.000)	-	-
Nhà máy Yarn dyed	-	1.000.000	(1.000.000)	-	-

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	1/1/2025 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp/được hoàn trong năm VND	Bù trừ với thuế GTGT đầu vào VND	31/12/2025 VND
<b>+ Thuế thu nhập cá nhân</b>	<b>559.083.684</b>	<b>3.937.090.876</b>	<b>(4.213.048.283)</b>	-	<b>283.126.277</b>
<i>Văn phòng</i>	535.494.934	3.343.376.428	(3.697.282.686)	-	181.588.676
<i>Nhà máy Sợi Nam Định</i>	10.233.634	114.466.264	(113.430.026)	-	11.269.872
<i>Nhà máy Sợi Phú Cường</i>	3.801.722	63.111.679	(57.696.135)	-	9.217.266
<i>Trung tâm Phát triển Sản phẩm và Kinh doanh Vinatex</i>	9.553.394	416.136.505	(344.639.436)	-	81.050.463
<b>Các khoản phải nộp khác</b>	-	<b>3.319.305.013</b>	<b>(3.319.305.013)</b>	-	-
<b>+ Tiền thuê đất, thuế đất</b>	-	<b>3.278.389.023</b>	<b>(3.278.389.023)</b>	-	-
<i>Văn phòng</i>	-	1.528.437.580	(1.528.437.580)	-	-
<i>Trung tâm Phát triển Sản phẩm và Kinh doanh Vinatex</i>	-	1.749.951.443	(1.749.951.443)	-	-
<b>+ Các khoản khác</b>	-	<b>40.915.990</b>	<b>(40.915.990)</b>	-	-
<i>Văn phòng</i>	-	34.179.224	(34.179.224)	-	-
<i>Nhà máy Sợi Phú Cường</i>	-	2.734.271	(2.734.271)	-	-
<i>Trung tâm Phát triển Sản phẩm và Kinh doanh Vinatex</i>	-	4.002.495	(4.002.495)	-	-
	1.751.265.021	101.138.142.648	(32.741.974.401)	(63.002.829.587)	7.144.603.681

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**18. Chi phí phải trả****(a) Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<b>31/12/2025 VND</b>	<b>1/1/2025 VND</b>
Chi phí lãi vay	403.327.757	27.012.773
Chi phí phải trả khác	2.504.385.043	4.377.894.008
	<b>2.907.712.800</b>	<b>4.404.906.781</b>
Phần chi phí phải trả dài hạn đến hạn trả trong 12 tháng	464.849.280	464.849.280
	<b>3.372.562.080</b>	<b>4.869.756.061</b>

**(b) Chi phí phải trả dài hạn**

	<b>31/12/2025 VND</b>	<b>1/1/2025 VND</b>
Tiền thuê đất phải trả (*)	9.296.985.600	9.761.834.880
Khoản đến hạn trả trong 12 tháng	(464.849.280)	(464.849.280)
	<b>8.832.136.320</b>	<b>9.296.985.600</b>

- (\*) Phản ánh số tiền thuê đất tại Số 10 Nguyễn Huệ, Thành phố Hồ Chí Minh tương ứng với phần diện tích được sử dụng bởi Công ty TNHH Xây dựng và Sản xuất Tài Nguyên trong thời hạn của hợp đồng cho thuê đến năm 2046.

**19. Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2025 VND</b>	<b>1/1/2025 VND</b>
Cổ tức phải trả	150.491.952.225	491.952.225
Lãi vay phải trả	4.675.037.323	7.601.471.047
Quỹ từ thiện	2.845.248.287	2.845.248.287
Các khoản phải trả khác	6.331.726.112	6.113.194.463
	<b>164.343.963.947</b>	<b>17.051.866.022</b>



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

20. Vay	Biến động trong năm				Chênh lệch	31/12/2025
(a) Vay ngắn hạn	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	tỷ giá VND	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	
Vay ngắn hạn (*)	530.643.324.293	1.575.220.687.356	(1.457.131.693.332)	140.807.564	648.873.125.881	
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 20(b))	49.685.809.507	55.899.685.747	(50.893.032.704)	1.796.746.437	56.489.208.987	
	580.329.133.800	1.631.120.373.103	(1.508.024.726.036)	1.937.554.001	705.362.334.868	
(*) Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:						
	Loại tiền	Lãi suất năm (%)	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND		
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội	USD	3,1% - 3,2%	165.941.883.798	105.346.555.754		
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội	VND	4,1% - 6,3%	274.944.616.067	131.443.007.088		
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàng Mai	USD	3,2%	-	20.877.190.128		
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàng Mai	VND	3,5% - 6,2%	191.486.780.141	150.371.190.912		
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàn Kiếm	VND	4,1% - 4,4%	-	103.558.497.075		
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Mỹ Đình	USD	3,2%	-	19.046.883.336		
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Mỹ Đình	VND	4,2 - 4,3%	16.499.845.875	-		
			648.873.125.881	530.643.324.293		



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Vay dài hạn**

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	<b>Loại tiền</b>	<b>Lãi suất năm (%)</b>	<b>Năm đáo hạn</b>	<b>31/12/2025 VND</b>	<b>1/1/2025 VND</b>
Ngân hàng Phát triển Châu Á (i)	USD	Thả nổi	2039	1.060.848.352.896	1.600.454.159.760
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 20(a))				(56.489.208.987)	(49.685.809.507)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng				1.004.359.143.909	1.550.768.350.253

**(i) Khoản vay này được đảm bảo bằng:**

- một số tài sản cố định của Tập đoàn Dệt May Việt Nam với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 36.573 triệu VND (1/1/2025: 53.426 triệu VND) (Thuyết minh 11);
- một số tài sản cố định của các công ty con của Tập đoàn bao gồm Công ty TNHH MTV Dệt 8-3, Công ty TNHH MTV Dệt Kim Đông Xuân, Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ, Công ty Cổ phần Dệt May Huế, Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội, Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định và Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú; và
- các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàn Kiếm với giá trị là 110.000 triệu VND (1/1/2025: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn với giá trị 110.000 triệu VND) (Thuyết minh 5(a)).

Khoản vay này bằng USD, có hạn mức là 105 triệu USD và chịu lãi suất năm thả nổi được điều chỉnh 6 tháng một lần theo công thức: SOFR 6 tháng (từ 1 tháng 6 năm 2022) bằng đồng USD cộng (+) biên độ lãi suất 0,6% trừ (-) một khoản giảm trừ là 0,1% và cộng (+) phí bảo hiểm kỳ hạn 0,2%.

Khoản vay này được hoàn trả từ ngày 1 tháng 6 năm 2020 đến ngày 1 tháng 12 năm 2039, trong 40 kỳ nửa năm, số tiền trả mỗi kỳ được xác định bằng cách nhân tổng số nợ gốc đã rút với phần trả mỗi lần (%) được quy định trong hợp đồng vay.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nghĩa vụ phải thực hiện đầy đủ các điều khoản của Hiệp định vay với Ngân hàng Phát triển Châu Á và Hiệp định vay phụ với Bộ Tài chính.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	<b>2025 VND</b>	<b>2024 VND</b>
Số dư đầu năm	35.850.119.188	34.310.961.645
Trích lập trong năm (Thuyết minh 22)	11.090.000.000	19.400.000.000
Tăng khác trong năm	10.000.000	-
Sử dụng trong năm	(14.581.941.434)	(17.860.842.457)
Số dư cuối năm	32.368.177.754	35.850.119.188



22. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản VND	Tổng cộng VND
<b>Số dư tại ngày 1/1/2024</b>	5.000.000.000.000	30.361.932.352	-	195.151.884.031	543.092.845.095	5.768.606.661.478
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	156.359.338.939	-	156.359.338.939
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 21)	-	-	-	(19.400.000.000)	-	(19.400.000.000)
Cổ tức (Thuyết minh 26)	-	-	-	(150.000.000.000)	-	(150.000.000.000)
<b>Số dư tại ngày 1/1/2025</b>	5.000.000.000.000	30.361.932.352	-	182.111.222.970	543.092.845.095	5.755.566.000.417
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	218.526.319.710	-	218.526.319.710
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển (Thuyết minh 24)	-	-	21.021.222.970	(21.021.222.970)	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 21)	-	-	-	(11.090.000.000)	-	(11.090.000.000)
Cổ tức (Thuyết minh 26)	-	-	-	(150.000.000.000)	-	(150.000.000.000)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2025</b>	5.000.000.000.000	30.361.932.352	21.021.222.970	218.526.319.710	543.092.845.095	5.813.002.320.127

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***23. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tập đoàn Dệt May Việt Nam như sau:

	<b>31/12/2025 và 1/1/2025</b>	
	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>VND</b>
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	500.000.000	5.000.000.000.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	500.000.000	5.000.000.000.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	500.000.000	5.000.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

Vốn cổ phần đã phát hành cho các cổ đông như sau:

	<b>Đã phát hành và đang lưu hành</b>		
	<b>31/12/2025 và 1/1/2025</b>		
	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>VND</b>	<b>%</b>
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước – Công ty TNHH ITOCHU Corporation	267.438.100	2.674.381.000.000	53,49%
Các cổ đông khác	65.000.000	650.000.000.000	13,00%
	167.561.900	1.675.619.000.000	33,51%
	500.000.000	5.000.000.000.000	100%

**24. Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông tại ngày 7 tháng 11 năm 2025. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh trong tương lai.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**  
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***25. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản**

Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản được Ngân sách Nhà nước giao cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam để giải ngân cho các dự án đầu tư bao gồm:

<b>Tại ngày 31/12/2025 và ngày 1/1/2025 VND</b>	
Dự án Nhà máy Kéo sợi	104.848.000.000
Dự án Nhà máy Sợi Phú Cường	85.600.000.000
Dự án Nhà máy Kéo sợi mới hai vạn cọc sợi	85.000.000.000
Dự án Nhà máy Sợi Nam Định	80.900.000.000
Dự án Nhà máy Sợi Phú Hưng	69.164.195.144
Dự án Đầu tư Phát triển Dệt nhuộm tại Miền Trung	54.496.650.079
Dự án Nhà máy May Dệt kim	32.083.999.872
Dự án Di dời và Đầu tư Nâng cấp Xí nghiệp Sợi và Xí nghiệp Dệt	31.000.000.000
	<hr/>
	543.092.845.095

Tập đoàn Dệt May Việt Nam có trách nhiệm quản lý và sử dụng số vốn được giao theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn về cơ chế thanh toán vốn đầu tư thuộc nguồn vốn Ngân sách Nhà nước.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã hoàn thành và quyết toán Dự án Nhà máy Sợi Phú Hưng, Dự án Nhà máy Sợi Nam Định – Giai đoạn 1, Dự án Nhà máy Sợi Phú Cường – Giai đoạn 1, Dự án Nhà máy Kéo sợi và Dự án Nhà máy May Dệt kim, Dự án Di dời và Đầu tư Nâng cấp Xí nghiệp Sợi và Xí nghiệp Dệt, Dự án Đầu tư Nhà máy Kéo sợi mới hai vạn cọc sợi và Dự án Đầu tư Phát triển Dệt nhuộm tại Miền Trung. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính riêng này, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đang trong quá trình làm việc với các bên hữu quan để xác định thời điểm và giá trị phần nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản được chuyển đổi thành vốn cổ phần thuộc sở hữu của Nhà nước tại Tập đoàn Dệt May Việt Nam.



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**  
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***26. Cổ tức**

Tại ngày 7 tháng 11 năm 2025, Đại hội đồng cổ đông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã quyết định phân phối khoản cổ tức bằng tiền trị giá 150.000 triệu VND từ lợi nhuận sau thuế năm 2024, tương ứng với tỷ lệ 3% trên mệnh giá (2024: cổ tức bằng tiền trị giá 150.000 triệu VND từ lợi nhuận sau thuế năm 2023, tương ứng với tỷ lệ 3% trên mệnh giá).

**27. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định**

Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định được Ngân sách Nhà nước cấp cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam để đầu tư xây dựng Nhà truyền thống ngành Dệt May Việt Nam. Biến động của nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định trong năm như sau:

	<b>2025</b> <b>VND</b>	<b>2024</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	19.314.222.987	20.172.889.902
Hao mòn tài sản cố định và phân bổ giá trị quyền sử dụng đất của Nhà truyền thống ngành Dệt May Việt Nam	(622.074.996)	(858.666.915)
Số dư cuối năm	18.692.147.991	19.314.222.987

**28. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán****(a) Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<b>31/12/2025</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2025</b> <b>VND</b>
Trong vòng 1 năm	20.430.426.460	22.105.074.240
Trong vòng 2 đến 5 năm	11.422.010.880	31.615.572.950
Sau 5 năm	45.688.043.520	48.543.546.240
	77.540.480.860	102.264.193.430

**(b) Ngoại tệ các loại**

	<b>31/12/2025</b>		<b>1/1/2025</b>	
	<b>Nguyên tệ</b>	<b>Tương đương VND</b>	<b>Nguyên tệ</b>	<b>Tương đương VND</b>
USD	976.765	25.515.482.310	1.033.896	26.150.155.565
EUR	20.142	611.268.645	99.870	2.607.935.257
		26.126.750.955		28.758.090.822

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(c) Cam kết theo hợp đồng hợp tác kinh doanh**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tập đoàn có hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Xuân, một công ty con của Tập đoàn, cho dự án “Trung tâm Phát triển sản phẩm và Kinh doanh Vinatex”. Theo hợp đồng này, Tập đoàn được sử dụng Tòa nhà văn phòng 4 tầng và một số công trình phụ trợ trong khuôn viên khu đất có địa chỉ tại số 524 phố Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội (nay là Phường Vĩnh Tuy, Thành phố Hà Nội) thuộc quyền sở hữu của công ty con này và cam kết phân chia lợi nhuận cố định cho công ty con này theo quy định trong hợp đồng. Việc phân chia quyền lợi kinh tế bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2024 cho đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2030.

**29. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	<b>2025 VND</b>	<b>2024 VND</b>
Bán hàng và dịch vụ gia công	2.007.613.139.871	1.603.389.639.116
Cung cấp dịch vụ	89.093.505.614	91.548.740.432
	<b>2.096.706.645.485</b>	<b>1.694.938.379.548</b>

**30. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

	<b>2025 VND</b>	<b>2024 VND</b>
Hàng hoá đã bán và dịch vụ gia công	1.923.920.255.311	1.592.618.897.090
Dịch vụ đã cung cấp	49.376.382.756	44.631.496.517
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(814.095.191)	(17.918.224.139)
	<b>1.972.482.542.876</b>	<b>1.619.332.169.468</b>

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***31. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2025 VND</b>	<b>2024 VND</b>
Cổ tức	262.855.051.500	374.746.516.545
Lãi tiền gửi	67.208.396.170	50.059.227.668
Lãi cho vay	87.812.501.607	103.523.706.402
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.769.050.827	10.493.285.590
Doanh thu hoạt động tài chính khác	653.397.551	1.091.372.110
	<b>424.298.397.655</b>	<b>539.914.108.315</b>

**32. Chi phí tài chính**

	<b>2025 VND</b>	<b>2024 VND</b>
Chi phí lãi vay	113.858.736.564	124.393.716.712
Trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	14.221.206.663	167.304.284.085
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.895.628.828	11.153.078.788
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	6.271.877.907	11.713.137.303
	<b>139.247.449.962</b>	<b>314.564.216.888</b>

**33. Chi phí bán hàng**

	<b>2025 VND</b>	<b>2024 VND</b>
Chi phí nhân viên	9.846.490.814	12.898.852.106
Chi phí khấu hao và phân bổ	3.743.624.214	6.904.881.178
Cước vận chuyển quốc tế	4.980.956.526	4.973.148.419
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.673.387.646	3.006.237.284
Các chi phí bán hàng khác	13.249.753.992	12.640.420.335
	<b>37.494.213.192</b>	<b>40.423.539.322</b>



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**  
**(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***34. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>2025 VND</b>	<b>2024 VND</b>
Chi phí nhân viên	59.650.724.889	43.857.555.352
Chi phí khấu hao và phân bổ	23.088.179.789	5.829.898.984
Chi phí thuê đất và nhà cửa	16.391.793.949	22.107.780.581
Công tác phí	4.245.284.431	3.456.219.093
Chi phí thuế, phí và lệ phí	67.287.185	72.678.056
Chi phí điện, nước, điện thoại	1.013.372.778	1.103.368.240
Chi phí tư vấn, dịch vụ chuyên môn	2.919.769.541	1.348.096.294
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	47.559.681.357	32.523.522.344
	<b>154.936.093.919</b>	<b>110.299.118.944</b>

**35. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>2025 VND</b>	<b>2024 VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	474.964.254.312	458.486.143.184
Chi phí nhân viên	128.892.456.406	108.401.936.258
Chi phí khấu hao và phân bổ	105.751.554.159	102.567.303.840
Chi phí dịch vụ mua ngoài	137.426.153.475	112.650.679.318
Chi phí khác	65.283.646.331	32.943.557.080

**36. Thuế thu nhập****(a) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>2025 VND</b>	<b>2024 VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	218.526.319.710	156.359.338.939
Thuế tính theo thuế suất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam	43.705.263.942	31.271.867.788
Giá trị thuế của chi phí không được khấu trừ thuế	2.459.779.129	2.995.422.210
Giá trị thuế của thu nhập không bị tính thuế	(52.571.010.300)	(74.949.303.309)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận cho lỗ năm hiện hành	3.429.721.541	53.383.260.642
Biến động chênh lệch tạm thời chưa được ghi nhận	2.976.245.688	(12.701.247.331)
	<b>-</b>	<b>-</b>

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**  
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	31/12/2025		1/1/2025	
	<b>Chênh lệch tạm thời VND</b>	<b>Giá trị thuế VND</b>	<b>Chênh lệch tạm thời VND</b>	<b>Giá trị thuế VND</b>
Các chênh lệch tạm thời	(46.134.728.730)	(9.226.945.746)	(61.015.957.170)	(12.203.191.434)
Lỗi tính thuế	625.956.427.107	125.191.285.421	615.387.154.554	123.077.430.911
	<b>579.821.698.377</b>	<b>115.964.339.675</b>	<b>554.371.197.384</b>	<b>110.874.239.477</b>

Lỗi tính thuế hết hiệu lực vào các năm sau:

<b>Năm hết hiệu lực</b>	<b>Tình hình quyết toán</b>	<b>Số lỗi được khấu trừ VND</b>
2027	Chưa quyết toán	138.992.237.540
2028	Chưa quyết toán	202.899.278.652
2029	Chưa quyết toán	266.916.303.208
2030	Chưa quyết toán	17.148.607.707
		<b>625.956.427.107</b>

Trong năm, lỗi tính thuế trị giá 6.579 triệu VND đã hết hiệu lực.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các khoản mục này bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Tập đoàn Dệt may Việt Nam có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo quy định của Luật thuế thu nhập hiện hành, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

37. Chi tiết doanh thu và lợi nhuận của các đơn vị phụ thuộc

Chi tiết doanh thu						
STT	Đơn vị	Tổng doanh thu 2025	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ 2025	Doanh thu hoạt động tài chính 2025	Thu nhập khác 2025	Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN 2025
		VND	VND	VND	VND	VND
1	Văn phòng Công ty mẹ	1.761.888.839.376	1.344.393.999.269	416.945.949.562	548.890.545	227.221.893.509
2	Các đơn vị phụ thuộc					
	Nhà máy Sợi Vinatex Phú Cường	383.898.417.578	381.100.340.214	2.798.077.364	-	3.457.595.873
	Nhà máy Sợi Vinatex Nam Định	313.142.487.565	309.016.536.451	4.125.951.114	-	324.920.387
	Trung tâm Phát triển Sản xuất và Kinh doanh Vinatex	63.798.198.490	62.195.769.551	425.722.403	1.176.706.536	(10.796.995.234)
	Nhà máy Sản xuất Vải Yarn Dyed	2.350.413	-	2.350.413	-	(1.676.292.624)
	Nhà máy May Quế Sơn	346.799	-	346.799	-	(4.802.201)
3	Tổng cộng	2.522.730.640.221	2.096.706.645.485	424.298.397.655	1.725.597.081	218.526.319.710



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***38. Các giao dịch chủ yếu với bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong năm Tập đoàn Dệt May Việt Nam có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>2025 VND</b>	<b>2024 VND</b>
<b>Công ty mẹ</b>		
<b>Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước</b>		
<b>– Công ty TNHH</b>		
Cổ tức đã trả	-	80.231.430.000
Cổ tức đã công bố	80.231.430.000	80.231.430.000
<b>Các công ty con của Tập đoàn Dệt May Việt Nam</b>		
<b>Công ty TNHH MTV Dệt 8-3</b>		
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	395.860.069.100	290.002.567.308
Mua hàng hóa	5.065.496.502	-
Thu hồi gốc cho vay nguồn vốn vay ADB	2.407.883.091	2.125.277.218
Lãi và phí của khoản cho vay lại nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á (“ADB”)	4.779.888.587	5.438.253.141
Thu nhập tiền lãi từ cho vay	277.261.731	1.010.360.737
Giao dịch khác	239.507.046	-
<b>Công ty Cổ phần Vinatex Phú Hưng</b>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	22.836.051.367	25.129.470.914
Tiền thuê đất và phí sử dụng dịch vụ hạ tầng	474.755.730	-
<b>Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ</b>		
Cổ tức	55.685.512.500	111.371.025.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	15.189.269.141	15.721.815.511
Mua hàng hóa	1.584.903.796	1.992.060.648
Thu hồi gốc cho vay nguồn vốn vay ADB	6.763.504.505	5.983.169.648
Lãi và phí của khoản cho vay lại nguồn vốn vay ADB	13.456.541.297	15.309.999.010
Giao dịch khác	138.159.111	-
<b>Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú</b>		
Doanh thu bán hàng hóa	-	704.228.016
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.237.534.597	407.303.727
Cổ tức	74.817.592.000	93.521.990.000
Thu hồi gốc cho vay nguồn vốn vay ADB	371.308.295.834	14.822.960.560
Lãi và phí cho khoản cho vay lại nguồn vốn vay ADB	31.896.786.706	38.531.336.966
Giao dịch khác	412.830.283	-

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**  
**(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>2025</b>	<b>2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội</b>		
Doanh thu bán hàng hóa	91.839.050.113	213.736.507.807
Thu hồi gốc cho vay nguồn vốn vay ADB	6.896.023.334	6.013.788.850
Lãi và phí của khoản cho vay lại nguồn vốn vay ADB	13.666.652.478	15.549.050.994
Doanh thu cung cấp dịch vụ	64.714.286	-
Thu nhập tiền lãi từ cho vay	-	101.375.972
Giao dịch khác	366.355.099	-
<b>Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định</b>		
Thu nhập tiền lãi từ cho vay	4.224.069.853	4.562.422.832
Doanh thu bán hàng hóa	229.134.412.177	51.630.538.376
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.654.167.614	221.060.300
Mua hàng hóa và dịch vụ	7.529.392.553	46.931.903.710
Thu hồi gốc cho vay nguồn vốn vay ADB	4.261.630.182	3.761.322.598
Lãi và phí của khoản cho vay lại nguồn vốn vay ADB	8.464.395.497	9.630.252.277
Phí gia công	3.720.855.036	84.696.003
Giao dịch khác	209.216.000	-
<b>Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài</b>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	119.428.572	183.413.246
Mua hàng hóa	-	63.891.500
Giao dịch khác	231.481.481	-
<b>Công ty Cổ phần Dệt May Huế</b>		
Cổ tức	18.345.183.000	36.690.366.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	143.666.667	375.980.474
Thu hồi gốc cho vay nguồn vốn vay ADB	2.571.236.565	2.273.854.390
Lãi và phí của khoản cho vay lại nguồn vốn vay ADB	5.112.873.960	5.914.625.443
Thu nhập tiền lãi từ cho vay	673.054.246	1.798.778.632
Thu hồi gốc cho vay	23.200.000.000	23.200.000.000
Doanh thu từ hoa hồng bán hàng đại lý	89.949.390	119.269.695
Mua hàng hóa	304.449.908	410.580.927
Giao dịch khác	238.841.831	-
<b>Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Phương</b>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	8.556.267.937	8.628.926.282
Thu hồi gốc cho vay	-	26.198.057.659
Chi phí thuê mặt bằng	2.275.216.000	-
Thu nhập tiền lãi từ cho vay	-	540.148.880
Điều chuyển tài sản	-	7.501.375.304
Cho vay	-	19.798.057.659
Nhận điều chuyển tài sản cố định	-	23.543.539.560

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>2025 VND</b>	<b>2024 VND</b>
<b>Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam – Vinatex</b>		
Thu hồi gốc cho vay đã trả hộ	32.692.800.000	20.729.200.554
Bán hàng hóa	9.523.810	31.800.000
Cổ tức	17.855.000.000	-
<b>Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex</b>		
Doanh thu khác	37.368.055	-
Thu hồi gốc cho vay dự án May Tuyên Quang	11.110.697.381	12.317.903.226
Lãi cho vay	-	629.383.507
<b>Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Xuân</b>		
Doanh thu bán hàng hóa	21.617.733.222	42.465.464.494
Doanh thu cung cấp dịch vụ	668.728.003	517.961.947
Thu nhập tiền lãi từ cho vay, trả chậm	1.751.501.196	1.936.673.209
Thu hồi gốc cho vay	5.355.332.913	5.700.000.000
Thu hồi gốc cho vay nguồn vốn vay ADB	1.910.628.815	1.684.209.254
Lãi và phí của khoản cho vay lại nguồn vốn vay ADB	3.786.737.787	4.308.311.094
Chi phí thuê tài sản	2.181.818.181	2.181.818.182
Mua hàng hóa dịch vụ	996.913.441	5.910.202.790
Điều chuyển tài sản	140.395.056	245.199.200
Tài trợ phần mềm tài chính kế toán	660.350.000	139.650.000
Giao dịch khác	220.374.169	-
<b>Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Dệt May Phố Nối</b>		
Cổ tức	-	10.200.000.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.863.483.100	7.732.415.200
Doanh thu khác	58.847.619	52.023.810
Giao dịch khác	185.185.185	-
<b>Các công ty liên kết của Tập đoàn Dệt May Việt Nam</b>		
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Vinatex</b>		
Cổ tức	3.861.000.000	22.250.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.371.355.982	1.530.818.924
Giao dịch khác	336.157.364	-
<b>Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP</b>		
Cổ tức	10.840.500.000	13.797.000.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	64.714.286	47.876.153
Doanh thu bán hàng hóa	539.274.750	-
Giao dịch khác	138.888.889	-



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>2025</b>	<b>2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tổng Công ty May 10 – CTCP</b>		
Cổ tức	5.113.699.000	15.341.097.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.041.655.913	1.002.078.230
Mua hàng hóa	52.815.615.871	13.189.206.467
Giao dịch khác	111.111.111	-
<b>Công ty Cổ phần Thời trang Hanosimex</b>		
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	798.082.316	859.506.469
Mua hàng hóa	2.333.888.153	2.568.890.283
<b>Công ty Cổ phần May Hữu Nghị</b>		
Cổ tức	10.430.088.000	3.476.696.000
Doanh thu bán hàng hóa	-	4.047.619
Giao dịch khác	46.296.296	-
<b>Công ty Cổ phần May Bình Minh</b>		
Cổ tức	1.984.500.000	1.984.500.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	559.410.682	561.729.154
Mua hàng hóa	355.797.868	414.190.508
Giao dịch khác	27.777.778	-
<b>Công ty Cổ phần May Đáp Cầu</b>		
Cổ tức	2.461.095.000	2.461.095.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	57.380.952	45.000.000
Giao dịch khác	46.296.296	-
<b>Tổng Công ty Đức Giang – CTCP</b>		
Cổ tức	4.753.833.000	4.753.833.000
Mua hàng hóa	141.476.305.671	121.169.969.967
Doanh thu bán hàng hóa	62.857.143	141.800.000
Phí gia công	1.389.162.060	-
Giao dịch khác	111.111.111	-
<b>Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến</b>		
Cổ tức	33.514.800.000	53.623.680.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.298.749.816	3.941.829.856
Mua hàng hóa	6.762.385.480	8.977.281.540
Doanh thu bán hàng hóa	68.276.190	141.800.000
Giao dịch khác	296.296.296	-
<b>Tổng Công ty May Hưng Yên – CTCP</b>		
Cổ tức	10.245.843.000	13.661.124.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	208.571.429	112.142.857
Phí gia công	1.380.646.960	-
Giao dịch khác	268.518.519	-

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>2025</b>	<b>2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty Cổ phần May Nam Định</b>		
Cổ tức	-	900.000.000
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	329.733.226	382.667.411
Mua cổ phần	-	4.571.000.000
Mua hàng hóa	961.227.407	1.238.141.478
<b>Tổng Công ty May Nhà Bè – CTCP</b>		
Cổ tức	10.080.000.000	10.080.000.000
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	1.648.315.985	1.970.988.912
Mua hàng hóa	4.529.881.112	5.043.926.293
Mua trái phiếu chuyển đổi	45.360.000.000	-
Giao dịch khác	361.111.111	-
<b>Công ty Cổ phần Vinatex Đà Nẵng</b>		
Cổ tức	1.800.000.000	1.800.000.000
Giao dịch khác	92.592.593	-
<b>Công ty Cổ phần Dệt Gia dụng Phong Phú</b>		
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	135.790.438	153.482.849
Mua hàng hóa và dịch vụ	407.322.603	504.074.719
<b>Công ty Cổ phần Dệt lụa Nam định</b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	990.476	153.866.928
Chi phí gia công	97.984.800	-
Cổ tức	1.066.406.000	1.066.406.000
Giao dịch khác	27.777.778	-
<b>Các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ</b>		
Doanh thu bán hàng hóa	244.434.396.577	176.987.273.472
Mua hàng hóa	3.877.545.272	3.752.554.124
Vay trong năm	1.342.114.227.941	1.395.510.421.185
Tắt toán khoản vay trong năm	1.222.466.263.711	1.259.558.828.832
Lãi vay trong năm	24.154.039.048	19.216.269.698
Tiền gửi trong năm	857.325.350.420	537.000.000.000
Thu hồi khoản tiền gửi trong năm	1.188.400.000.000	371.000.000.000
Thu nhập từ lãi tiền gửi	53.070.156.569	40.917.151.509

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>2025</b>	<b>2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Thù lao, lương, thưởng và phúc lợi khác của người quản lý chủ chốt</b>		
<b>Thành viên Hội đồng Quản trị</b>		
Ông Lê Tiến Trường – Chủ tịch	1.525.946.900	1.366.402.502
Ông Trần Quang Nghị – Phó Chủ tịch	183.840.000	164.160.000
Ông Cao Hữu Hiếu – Thành viên	108.000.000	1.314.451.008
Ông Vũ Hồng Tuấn – Thành viên	879.206.600	108.000.000
Ông Đặng Vũ Hùng – Thành viên	108.000.000	108.000.000
Ông Nguyễn Xuân Đông – Thành viên	108.000.000	108.000.000
Bà Lê Ngọc Diệp – Thành viên	58.714.286	-
<b>Cơ quan Tổng Giám đốc</b>		
Những người quản lý khác	7.673.714.802	5.096.167.689
<b>Ban Kiểm soát</b>		
Các thành viên Ban kiểm soát	1.245.383.461	1.118.968.219

**39. Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2025 được mang sang từ số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Ngày 31 tháng 3 năm 2026

Người lập:



Nguyễn Thị Nga  
Phó Ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Ngọc Cách  
Trưởng Ban Tài chính Kế toán



Cao Hữu Hiếu  
Tổng Giám đốc



**TẬP ĐOÀN DỆT MAY  
VIỆT NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *170* /TĐDMVN-TCKT  
V/v: Giải trình một số vấn đề trong  
BCTC kiểm toán năm 2025

*Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2026*

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Tập đoàn Dệt May Việt Nam (mã CK: VGT) giải trình một số vấn đề trong Báo cáo tài chính (BCTC) kiểm toán năm 2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG (KPMG) như sau:

**Lợi nhuận sau thuế năm 2025 trên BCTC kiểm toán năm 2025 so với cùng kỳ năm 2024 có sự chênh lệch trên 10%:**

**BCTC kiểm toán Công ty mẹ:**

- LNST năm 2025 trên BCTC kiểm toán Công ty mẹ: 218.526.319.710 đồng
- LNST năm 2024 trên BCTC kiểm toán Công ty mẹ: 156.359.338.939 đồng

Chênh lệch tăng: 62.166.980.771 đồng, tương đương tỷ lệ tăng 39,76% so với cùng kỳ năm trước.

**BCTC kiểm toán Hợp nhất:**

- LNST năm 2025 trên BCTC kiểm toán Hợp nhất: 1.323.938.499.326 đồng.
- LNST năm 2024 trên BCTC kiểm toán Hợp nhất: 655.438.523.394 đồng.

Chênh lệch tăng: 668.499.975.932 đồng, tương đương tỷ lệ tăng 101,99% so với cùng kỳ năm trước.

**Nguyên nhân chính:**

- Về kết quả hợp nhất:

Lợi nhuận sau thuế hợp nhất của Tập đoàn năm 2025 tăng so với cùng kỳ chủ yếu do sự phục hồi tốt của thị trường, cùng với đó là công tác quản trị hiệu quả. Ngành may tiếp tục ghi nhận đà phục hồi tích cực với sự cải thiện rõ nét cả về giá bán và sản lượng đơn hàng. Nhu cầu thị trường tăng trở lại giúp các đơn vị may gia tăng doanh thu và cải thiện biên lợi nhuận gộp. Ngoài ra, hướng đến mục tiêu trọng tâm “hiệu suất của những việc hiệu quả”, trong năm 2025, Tập đoàn đã tập trung nâng cao công tác quản trị, cải tiến quy trình sản xuất để nâng cao năng suất, sản lượng; nâng cao công tác dự báo thị trường, nhiều thời điểm chốt được giá nguyên liệu và giá bán tốt. Toàn ngành sợi năm 2025 ghi nhận kết quả lãi/cùng kỳ lỗ, góp phần làm lợi nhuận hợp nhất năm 2025 tăng cao.

- Về kết quả Công ty mẹ:

Trước những diễn biến tích cực của thị trường, cùng công tác quản trị hiệu quả nêu trên, Công ty mẹ Tập đoàn cũng ghi nhận kết quả rất tốt đến từ hai Chi nhánh sợi. Bên cạnh đó, việc giảm trích lập dự phòng đầu tư tài chính do kết quả của các đơn vị thành viên được cải thiện là nguyên nhân chính dẫn đến lợi nhuận từ hoạt động tài chính tăng (lợi nhuận từ hoạt động tài chính năm 2025 tăng 59.701 triệu đồng), làm tăng lợi nhuận Công ty mẹ Tập đoàn so với cùng kỳ.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam cam kết nội dung trong bản giải trình trên đây là trung thực và chính xác.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, TCKT.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Cao Hữu Hiếu**